

Thứ tư, ngày 14 tháng 7 năm 2021

Vietnam Daily Review

Giảm điểm trở lại

Dự đoán xu hướng thị trường			
	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/7/2021		•	
Tuần 12/7-16/7/2021		•	
Tháng 7/2021		•	

Nhận định:
Thị trường cơ sở: VNIndex xuất hiện áp lực bán khá mạnh từ giữa phiên sáng nhưng đã giảm đã phần nào được kiềm chế lại trong phiên chiều và hiện chỉ số đang ở quanh ngưỡng 1280. Dòng tiền đầu tư giảm mạnh với chỉ 2/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực với thanh khoản gia tăng so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể tiếp tục dờn về khu vực quanh 1265 trước khi lực cầu bắt đáy quay trở lại.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/7/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Phân tích kỹ thuật: ACV_Xác lập ngưỡng hỗ trợ (Trang 3)

- Điểm nhấn**
- VN-Index **-17.63** điểm, đóng cửa **1279.91**. HNX-Index +0.14 điểm, đóng cửa 296.84.
 - Kéo chỉ số tăng: **VCG (+0.19)**; **SAB (+0.16)**; **FLC (+0.16)**; **KDH (+0.1)**; **HDG (+0.09)**.
 - Kéo chỉ số giảm: **TCB (-2.02)**; **VCB (-1.6)**; **VIB (-1.3)**; **VPB (-1.3)**; **BCM (-0.96)**.
 - Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,051 tỷ đồng**, **+19.35%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 19,324 tỷ đồng.
 - Biên độ dao động là 40.69 điểm. Thị trường có **138** mã tăng, 44 mã tham chiếu và **234** mã giảm.
 - Giá trị mua ròng của khối ngoại: **326.54 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **HPG (157.3 tỷ)**, **VHM (145.4 tỷ)** và **SSI (98.9 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-1.32 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1279.91**
Giá trị: 17051.81 tỷ **-17.63 (-1.36%)**
Khối ngoại (ròng): 326.54 tỷ

HNX-INDEX **296.84**
Giá trị: 2908.73 tỷ **0.14 (0.05%)**
Khối ngoại (ròng): -1.32 tỷ

UPCOM-INDEX **84.56**
Giá trị: 704.9 tỷ **-0.8 (-0.94%)**
Khối ngoại (ròng): -0.03 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	74.9	-0.53%
Giá vàng	1,814	0.36%
Tỷ giá USD/VND	23,017	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	27,139	0.04%
Tỷ giá JPY/VND	20,824	0.09%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	12.54%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	157.3	VPB	125.6
VHM	145.4	VCB	57.8
SSI	98.9	NVL	54.2
E1VFN30	48.0	KBC	45.8
STB	42.3	VIC	45.3
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 14/7

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	75.03	-0.29%	3.90%	6.30%	75.71%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	76.30	-0.25%	3.90%	5.50%	63.66%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	230.97	-0.37%	4.70%	5.60%	77.44%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1809.15	0.08%	0.30%	-3.10%	-4.88%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.00	0.05%	-0.50%	-6.70%	14.21%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1347.50	-0.31%	1.50%	-6.30%	52.73%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	634.75	0.16%	2.00%	-7.40%	13.45%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.02	-0.33%	6.50%	-2.10%	8.23%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	189.34	-2.21%	-5.10%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.08	0.53%	-4.40%	-3.70%	43.53%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	152.25	-1.14%	2.80%	-5.30%	42.36%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9412.50	0.04%	1.10%	-5.90%	44.84%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	848.84	1.22%	2.90%	3.60%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	917.02	1.45%	4.70%	5.90%			
Nhôm	USD/ton	2535.50	1.85%	0.20%	2.90%	50.16%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	188.67	0.87%	-0.20%	-0.60%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	131.60	3.70%	6.70%	17.00%	85.35%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2021 tăng 1.33 USD tương đương 1.8% lên 76.49 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 8/2021 tăng 1.15 USD tương đương 1.6% lên 75.25 USD/thùng. Cơ quan Năng lượng Quốc tế đánh giá giá dầu sẽ có nhiều biến động cho đến khi mâu thuẫn giữa các thành viên của OPEC+ được giải quyết.
- Tồn trữ dầu thô của Mỹ trong tuần tính đến ngày 9/7/2021 giảm 4.1 triệu thùng – tuần giảm thứ 8 liên tiếp.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA duy trì tại mức 1,806.64 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 8 tăng 0.2% lên 1,809.9 USD/ounce. Chỉ số giá tiêu dùng của Mỹ trong tháng 6/2021 tăng 0.9% MoM.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên tăng 3.3% lên 1,225 CNY (189.49 USD)/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn Singapore tăng 1.4% lên 210.8 USD/tấn. Nhập khẩu quặng sắt trong tháng 6 giảm xuống mức thấp nhất 13 tháng.
- Thép thanh kỳ hạn tháng 10 trên sàn Thượng Hải giảm 0.1%. Thép cuộn cán nóng duy trì tại 5,828 CNY/tấn. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc công bố sẽ cắt giảm tỉ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng thêm 50 điểm cơ bản, có hiệu lực từ ngày 15/7/2021, giải phóng khoảng 1 nghìn tỉ CNY để củng cố sự phục hồi nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi Covid-19.

Giá cao su

- Giá cao su kỳ hạn tháng 12 trên sàn Osaka giảm 2.2 JPY tương đương 1% xuống 213 JPY (1.9 USD)/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9 trên sàn Thượng Hải giảm 70 CNY xuống 13,315 CNY (2,059 USD)/tấn. Giá cao su tại Nhật Bản giảm phiên thứ 5 liên tiếp xuống mức thấp nhất 8 tháng, do lo ngại về sự lây lan của biến thể Delta.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn ICE giảm 1.75 US cent tương đương 1.1% xuống 1.5225 USD/lb. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn London giảm 27 USD tương đương 1.5% xuống 1,717 USD/tấn.
- Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn London tăng 2.2 USD tương đương 0.5% lên 423.9 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2021 trên sàn ICE tăng 0.09 US cent tương đương 0.5% lên 17.08 US cent/lb.

	14/7	% 14/7	13/7	% 13/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1279.91	-1.36%	1297.54	0.10%	-7.82%	-6.01%
S&P 500			4369.21	-0.35%	0.59%	3.07%
HĐTL S&P500	4359.25	-0.04%	4361.20	-0.35%	0.22%	2.90%
Shang- hai	3528.50	-1.07%	3566.52	0.53%	-0.71%	-1.71%
Euro Stoxx	4086.22	-0.20%	4094.56	0.03%	0.19%	-1.12%

Phân tích kỹ thuật
ACV_Xác lập ngưỡng hỗ trợ

- Điểm nhấn kỹ thuật:
- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Phần kỳ dương, đường MACD nằm dưới đường tín hiệu
 - Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng hồi phục

Nhận định: ACV đang hình thành ngưỡng hỗ trợ tại vùng giá 75.0. Thanh khoản cổ phiếu nằm dưới ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD đang dần chuyển hướng sang hội tụ trong khi chỉ báo RSI đang báo hiệu nhịp tích lũy. Đường giá cổ phiếu nằm trên dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng vẫn đang được bảo toàn. Nhà đầu tư trung hạn có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 75.0 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng giá 84.0 Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 72.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

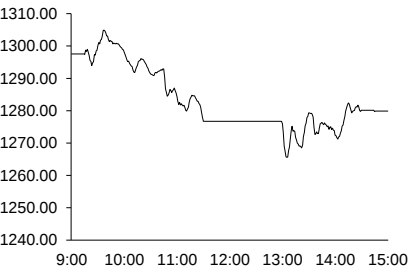
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	-3.14%
Ngân hàng	-2.45%
Dịch vụ tài chính	-2.15%
Hóa chất	-1.85%
Công nghệ Thông tin	-1.41%
Du lịch và Giải trí	-1.36%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.32%
Bảo hiểm	-1.27%
Ô tô và phụ tùng	-1.23%
Tài nguyên Cơ bản	-0.70%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.66%
Bất động sản	-0.57%
Truyền thông	-0.39%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.26%
Dầu khí	-0.02%
Thực phẩm và đồ uống	0.00%
Viễn thông	0.00%
Xây dựng và Vật liệu	0.05%
Y tế	0.11%

Hình 1

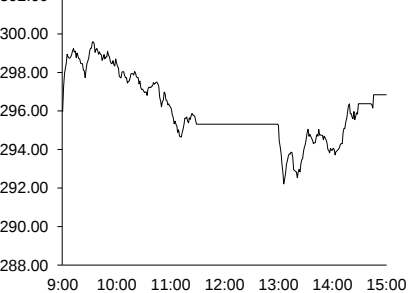
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/13/2021	KBC	32.5	40	30	32	1	-1.54%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
7/12/2021	VPG	38	42	32.5	39.3	2	3.42%	Có thể tiếp tục mua
7/9/2021	ITD	18	20.25	15.25	17.9	5	-0.56%	Có thể tiếp tục mua
7/7/2021	MWG	165.8	196	154.5	166.5	7	0.42%	Có thể tiếp tục mua
7/6/2021	LHG	45.4	55.5	41.35	46.2	8	1.76%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/23/2021	CTD	65.4	72	58.5	59.6	21	-8.87%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
6/14/2021	FRT	27.1	32	25	29.5	30	8.86%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	24.55	44	-11.05%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

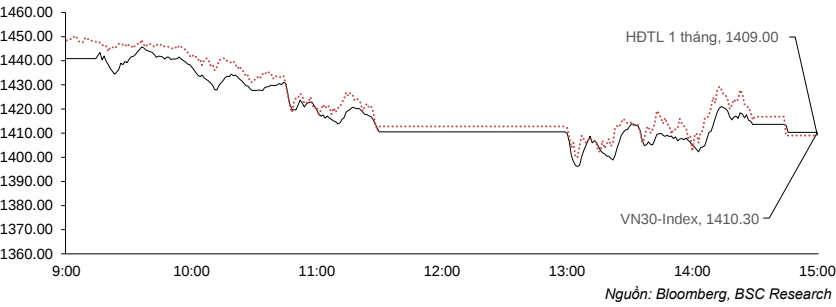
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/8/2021	HDG	43.9	48.5	42.2	TP	6	10.48%
7/5/2021	GEX	23.6	26	21.85	SL	7	-7.42%
7/2/2021	VGT	20	23	18.5	SL	5	-7.50%
7/1/2021	VNM	90.9	110	88	SL	5	-3.19%
6/30/2021	CMG	37.3	42	35	SL	12	-6.17%
6/29/2021	VJC	120	132	113	SL	15	-5.83%
6/28/2021	MSB	30.3	34	27.5	SL	14	-9.24%
6/25/2021	ACV	75.6	83.5	71.7	SL	18	-5.16%
6/24/2021	GVR	34.8	44	30.9	SL	18	-11.21%
6/22/2021	HII	21.8	24	21	SL	10	-3.67%
6/21/2021	POW	12.5	14	11.3	SL	16	-9.60%
6/18/2021	PLP	10.25	12.5	9.5	SL	19	-7.32%
6/17/2021	HBC	16.4	18.5	15.3	SL	14	-6.71%
6/16/2021	GEG	17.2	19.5	16	SL	21	-6.98%
6/15/2021	BMP	60.5	67	58.5	SL	20	-3.31%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	4	4	3.62%	-5.50%	-0.94%	15
Cổ phiếu đã chốt	160	107	13.64%	-7.89%	5.01%	27

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2107	1409.00	-2.62%	-1.30	-9.6%	320,253	15/07/2021	3
VN30F2108	1412.90	-2.22%	2.60	86.3%	11,776	19/08/2021	38
VN30F2109	1418.90	-0.72%	8.60	-28.0%	131	16/09/2021	66
VN30F2112	1406.00	-2.52%	-4.30	-11.1%	104	16/12/2021	157

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh –30.57 điểm, xuống 1410.30 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, TCB, HPG, VIC, FPT tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm tiêu cực trong phiên sáng xuống quanh 1400 điểm, sau đó thu hẹp biên độ giảm trong phiên chiều. VN30 có thể tiếp tục điều chỉnh giảm trong những phiên tiếp theo.

- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2108, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPDR2101	27/09/2021	75	5:1	311,500	38.85%	1,100	2,910	3.56%	860	3.38	94,388	88,888	87,500
CPDR2102	27/09/2021	75	5:1	145,100	38.85%	1,100	3,580	2.58%	1,170	3.06	94,499	88,999	87,500
CKDH2102	13/08/2021	30	2:1	346,500	32.79%	2,800	4,500	2.04%	2,931	1.54	33,364	28,273	36,800
CMSN2103	13/08/2021	30	6:1	83,700	38.56%	3,000	5,550	0.73%	4,760	1.17	106,000	88,000	116,200
CKDH2002	16/08/2021	33	4:1	279,300	32.79%	1,600	3,400	-0.58%	2,396	1.42	30,666	24,848	36,800
CVHM2105	13/08/2021	30	8:1	317,800	34.27%	1,500	1,680	-1.18%	846	1.98	117,500	105,500	109,500
CVHM2106	12/08/2021	29	10:1	298,300	34.27%	1,300	2,200	-1.79%	134	16.47	131,668	118,668	109,500
CVPB2104	27/08/2021	44	3:1	162,800	39.20%	2,500	6,980	-2.38%	4,304	1.62	56,500	49,000	61,500
CTCB2101	05/10/2021	83	1:1	60,500	39.82%	5,000	23,500	-3.21%	20,342	1.16	36,000	31,000	51,000
CHPG2108	12/08/2021	29	5:1	273,300	38.29%	1,200	2,850	-4.36%	2	1,476.68	48,124	43,713	45,000
CHPG2105	09/08/2021	26	2:1	97,300	38.29%	3,000	11,200	-4.60%	1,883	5.95	48,000	42,000	45,000
CTCB2012	30/07/2021	16	1:1	83,700	39.82%	5,400	29,670	-5.99%	29,046	1.02	27,400	22,000	51,000
CVPB2103	09/08/2021	26	2:1	161,700	39.20%	2,700	12,590	-7.36%	12,562	1.00	41,900	36,500	61,500
CVPB2015	30/07/2021	16	1:1	27,400	39.20%	5,600	35,250	-7.48%	35,554	0.99	31,600	26,000	61,500
CMWG2105	27/08/2021	44	8:1	150,800	32.98%	2,950	5,490	-7.58%	4,482	1.22	155,100	131,500	166,500
CMBB2102	12/08/2021	29	10:1	194,300	38.32%	1,200	2,140	-7.76%	8	279.01	46,468	34,468	28,850
CMWG2102	02/08/2021	19	5:1	93,900	32.98%	3,000	9,500	-9.87%	9,359	1.02	135,000	120,000	166,500
CTCB2103	09/08/2021	26	2:1	521,100	39.82%	2,900	8,900	-10.46%	7,810	1.14	41,300	35,500	51,000
CSTB2103	09/08/2021	26	2:1	483,200	46.34%	1,400	5,200	-10.81%	4,731	1.10	20,800	18,000	27,400
CPNJ2102	02/08/2021	19	5:1	124,700	31.67%	2,000	3,900	-22.62%	3,242	1.20	90,000	80,000	96,000
Tổng				3,905,400	37.54%**								

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất	CR: Tỷ lệ chuyển đổi
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%	Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
	**Trung bình độ lệch chuẩn	*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 14/7/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

- CPNJ2102 và CHDB2101 giảm mạnh lần lượt là -22.62% và -12.50%. Giá trị giao dịch tăng 12.28%. CTCB2103 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.87% thị trường.

- CVPB2015, CVPB2103, CTCB2012, CMWG2102 và CSTB2103 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CVPB2015, và CTCB2012 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CTCB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	166.5	-4.9%	0.8	3,441	10.1	9,051	18.4	4.6	49.0%	27.2%	
PNJ	Bán lẻ	96.0	-3.2%	0.9	949	3.4	4,974	19.3	3.8	49.0%	21.0%	
BVH	Bảo hiểm	50.0	-1.4%	1.5	1,614	1.7	2,548	19.6	1.8	26.9%	9.5%	
PVI	Bảo hiểm	37.8	-1.8%	0.5	367	0.0	3,809	9.9	1.2	49.0%	12.2%	
VIC	Bất động sản	103.0	0.0%	0.7	15,147	11.6	2,174	47.4	4.3	15.8%	9.0%	
VRE	Bất động sản	28.3	1.4%	1.1	2,791	5.4	1,175	24.0	2.1	30.5%	9.3%	
VHM	Bất động sản	109.5	0.0%	1.0	15,661	15.9	7,874	13.9	4.0	23.2%	33.6%	
DXG	Bất động sản	22.4	-0.2%	1.3	504	3.0	(61)		1.7	28.2%	-0.5%	
SSI	Chứng khoán	51.0	-1.5%	1.5	1,452	26.5	2,776	18.4	2.9	47.6%	16.2%	
VCI	Chứng khoán	51.0	-3.2%	1.0	738	4.3	2,851	17.9	3.4	20.9%	22.1%	
HCM	Chứng khoán	46.1	-2.9%	1.6	611	8.9	2,462	18.7	3.0	48.0%	16.4%	
FPT	Công nghệ	85.2	-2.1%	0.9	3,362	9.1	4,103	20.8	4.6	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	76.1	0.1%	0.4	1,086	0.0	4,304	17.7	5.3	0.0%	30.0%	
GAS	Dầu khí	91.3	-0.2%	1.3	7,598	2.4	3,946	23.1	3.5	2.8%	14.9%	
PLX	Dầu khí	50.9	-0.2%	1.5	2,753	2.6	2,915	17.5	2.7	17.3%	16.8%	
PVS	Dầu khí	25.3	-1.6%	1.7	526	12.1	1,375	18.4	1.0	8.0%	5.4%	
BSR	Dầu khí	17.6	-1.7%	0.8	2,373	8.6	(909)	N/A	N/A	1.8	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	92.1	-1.9%	0.4	524	0.0	5,647	16.3	3.2	54.6%	20.2%	
DPM	Hóa chất	20.1	-2.4%	0.8	341	0.8	1,928	10.4	1.0	13.8%	9.4%	
DCM	Hóa chất	17.0	-0.6%	0.7	391	1.9	1,122	15.2	1.4	2.3%	9.4%	
VCB	Ngân hàng	101.8	-1.5%	1.1	16,416	9.9	5,709	17.8	3.7	23.7%	22.8%	
BID	Ngân hàng	42.6	0.5%	1.3	7,449	3.3	2,048	20.8	2.2	16.7%	10.6%	
CTG	Ngân hàng	33.7	-2.6%	1.3	7,042	24.5	3,692	9.1	1.8	24.7%	20.9%	
VPB	Ngân hàng	61.5	-3.9%	1.2	6,564	60.4	4,626	13.3	2.7	15.4%	22.5%	
MBB	Ngân hàng	28.9	-3.2%	1.2	4,739	25.1	2,676	10.8	2.1	21.7%	21.6%	
ACB	Ngân hàng	31.8	-3.5%	1.0	3,730	15.1	3,194	9.9	2.3	30.0%	25.6%	
BMP	Nhựa	55.1	-1.4%	0.7	196	0.1	6,160	8.9	1.9	83.3%	20.3%	
NTP	Nhựa	51.0	2.8%	0.5	261	0.3	3,988	12.8	2.2	19.4%	17.8%	
MSR	Tài nguyên	19.0	0.0%	0.7	908	0.3	39	487.2	1.5	10.1%	0.3%	
HPG	Thép	45.0	-1.1%	1.2	8,751	54.1	4,056	11.1	3.0	26.6%	31.3%	
HSG	Thép	34.4	1.3%	1.4	731	15.8	4,914	7.0	2.1	9.6%	35.0%	
VNM	Tiêu dùng	85.0	0.8%	0.7	7,724	15.4	4,682	18.2	5.7	55.0%	31.9%	
SAB	Tiêu dùng	160.0	1.9%	0.8	4,461	1.1	7,561	21.2	5.2	62.8%	26.7%	
MSN	Tiêu dùng	116.2	1.0%	0.9	5,964	7.2	1,281	90.7	8.4	33.3%	5.1%	
SBT	Tiêu dùng	17.5	-2.8%	1.3	470	2.3	1,131	15.5	1.4	8.6%	8.7%	
ACV	Vận tải	75.0	0.1%	0.8	7,099	0.3	577	130.0	4.4	3.6%	3.4%	
VJC	Vận tải	117.0	-2.4%	1.1	2,755	5.6	2,256		4.2	18.4%	8.3%	
HVN	Vận tải	25.7	0.6%	1.7	1,585	0.4	(9,327)		25.3	9.2%	-155.4%	
GMD	Vận tải	39.2	-1.3%	1.0	514	3.8	1,246	31.5	2.0	41.7%	6.2%	
PVT	Vận tải	18.5	1.4%	1.4	260	2.9	2,281	8.1	1.2	14.1%	15.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	104.0	-0.5%	0.9	723	1.2	8,479	12.3	3.9	4.0%	39.2%	
VGC	Vật liệu xây dựng	29.4	3.5%	0.4	573	0.2	1,604	18.3	2.0	5.6%	10.9%	
HT1	Vật liệu xây dựng	14.4	-0.3%	0.9	238	0.2	1,566	9.2	1.0	2.8%	11.0%	
CTD	Xây dựng	59.6	-2.3%	1.0	192	0.5	3,352	17.8	0.5	44.0%	3.0%	
CII	Xây dựng	15.7	-1.9%	0.5	163	1.9	56	282.2	0.8	22.1%	0.2%	
REE	Điện	51.1	-1.5%	-1.4	687	1.2	5,770	8.9	1.3	49.0%	16.3%	
PC1	Điện	24.6	0.0%	-0.4	204	0.3	2,371	10.4	1.2	9.9%	13.2%	
POW	Điện	10.5	-0.9%	0.6	1,064	3.0	1,037	10.1	0.8	3.0%	8.6%	
NT2	Điện	18.8	-0.5%	0.5	235	0.1	1,872	10.0	1.3	14.9%	12.8%	
KBC	Khu công nghiệp	32.0	-1.5%	1.1	654	10.4	1,639	19.5	1.5	19.8%	7.8%	
BCM	Khu công nghiệp	48.7	-7%	0.9	2,189	0.2			3.1	2.0%		

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	160.00	1.91	0.52	158200
VNM	85.00	0.83	0.40	4.18MLN
MSN	116.20	1.04	0.38	1.43MLN
VCG	44.70	6.18	0.31	883000
VRE	28.25	1.44	0.25	4.35MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
TCB	-0.01	-2.75	33.44MLN	1.11MLN
VPB	0.00	-1.66	22.40MLN	607060
VCB	0.00	-1.61	2.25MLN	373600
MWG	0.00	-1.10	1.38MLN	192700
BCM	-0.01	-1.02	83700	611640

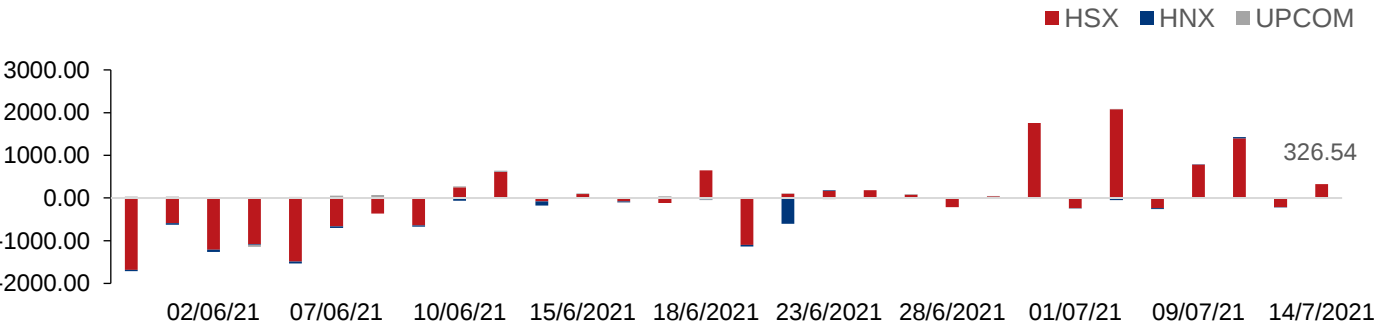
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SII	16.25	6.91	0.02	2000.00
HCD	6.68	6.88	0.00	1.33MLN
NHA	23.50	6.82	0.01	76900
TEG	15.00	6.76	0.01	412300
SVC	80.00	6.67	0.05	1500

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IJC	22.00	-12.00	-0.18	5.34MLN
HID	6.66	-6.98	-0.01	2.49MLN
BCM	48.65	-6.98	-1.02	83700.00
VIB	44.40	-6.92	-0.99	4.39MLN
HSL	6.73	-6.92	0.00	255800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	31.8	3,194	9.9	2.3	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	75.0	577	130.0	4.4	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	8.4	600	14.0	0.8	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	8.1	-363		0.7	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.3	3,834	7.1	1.2	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	33.7	3,692	9.1	1.8	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	17.0	1122.1	15.2	1.4	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	78.0	5,505	14.2	3.2	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	129.5	7,653	16.9	4.4	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	20.1	1,928	10.4	1.0	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	26.9	2,379	11.3	1.8	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	22.4	-61		1.7	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	85.2	4,103	20.8	4.6	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	29.3	1,091	26.9	2.4	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	48.3	7,082	6.8	2.2	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	45.0	4,056	11.1	3.0	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	34.4	4,914	7.0	2.1	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	14.4	1,566	9.2	1.0	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	7.0	-1,032		0.6	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	32.0	1,639	19.5	1.5	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	36.8	1,946	18.9	2.7	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	27.1			1.9	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	36.2	3,258	11.1	1.4	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	57.0	5,257	10.8	2.0	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	116.2	1,281	90.7	8.4	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	166.5	9,051	18.4	4.6	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	37.0	4,008	9.2	1.6	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	24.2	2,120	11.4	1.5	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	96.0	4,974	19.3	3.8	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	10.5	1,037	10.1	0.8	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	19.4	0	126.4	0.6	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	25.3	1,375	18.4	1.0	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	160.0	7,561	21.2	5.2	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	17.5	1,131	15.5	1.4	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	35.5	8272.5	4.3	1.2	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	51.0	4,074	12.5	2.3	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	101.8	5,709	17.8	3.7	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	45.3	4,166	10.9	2.4	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	16.0	570	28.1	1.3	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	38.1	3,837	9.9	1.3	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	109.5	7,874	13.9	4.0	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	85.0	4,682	18.2	5.7	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	61.5	4,626	13.3	2.7	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	28.3	1,175	24.0	2.1	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	78.6	3,256	24.1	6.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639